

LUẬT NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Cấu trúc bài học

I. Khái niệm

II. Hệ thống các cơ quan quan hệ đối ngoại

III. Cơ quan đại diện ngoại giao

IV. Phái đoàn đại diện của các quốc gia tại các tổ chức quốc tế

V. Cơ quan lãnh sự

I. Khái niệm

Khái niệm về ngoại giao:

- Theo giáo trình Luật Quốc tế - Bộ môn Luật, Học viện quan hệ quốc tế
- Theo từ điển Ngoại giao của Liên Xô cũ

Khái niệm ngoại giao

- *Ngoại giao là hoạt động của cơ quan làm công tác đối ngoại và các đại diện có thẩm quyền làm công tác đối ngoại nhằm thực hiện chính sách, bảo vệ lợi ích, quyền hạn của quốc gia, dân tộc ở trong nước và trên thế giới, góp phần giải quyết các vấn đề quốc tế chung, bằng con đường đàm phán và các hình thức hoà bình khác.*

Khái niệm luật Ngoại giao và lãnh sự

- Luật ngoại giao và lãnh sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật quốc tế, bao gồm tổng thể các nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế điều chỉnh quan hệ về tổ chức và hoạt động của các cơ quan quan hệ đối ngoại nhà nước cùng các thành viên của các cơ quan này, đồng thời cũng điều chỉnh các vấn đề về quyền ưu đãi và miễn trừ của tổ chức quốc tế liên Chính phủ cùng thành viên của nó.

Đối tượng điều chỉnh

- Tổ chức và hoạt động của các cơ quan quan hệ đối ngoại của nhà nước cùng thành viên của nó;
- Các quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho các cơ quan quan hệ đối ngoại của các quốc gia và các nhân viên của cơ quan đó;
- Hoạt động của các phái đoàn đại diện của các quốc gia trong quá trình viếng thăm hoặc tham dự hội nghị quốc tế;
- Hoạt động của các tổ chức quốc tế liên chính phủ và các quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho các tổ chức này cũng như các thành viên của tổ chức tại lãnh thổ của các quốc gia.

2. Các nguyên tắc của luật Ngoại giao và lãnh sự

- Nguyên tắc Bình đẳng, không phân biệt đối xử
- Nguyên tắc thoả thuận
- Nguyên tắc tôn trọng quyền ưu đãi và miễn trừ của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và thành viên của các cơ quan này.
- Nguyên tắc tôn trọng pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại.
- Nguyên tắc có đi có lại

3. Nguồn luật điều chỉnh

Điều ước quốc tế

Điều ước quốc tế
đa phương

Điều ước quốc tế
song phương

Tập quán quốc tế

II. Hệ thống cơ quan quan hệ đối ngoại

1. Khái niệm

- Cơ quan quan hệ đối ngoại của nhà nước là cơ quan do nhà nước lập ra để duy trì mối quan hệ chính thức của nhà nước đó với các quốc gia khác, với các tổ chức quốc tế hoặc với các chủ thể khác của luật quốc tế.

2. Phân loại

Cơ quan quan hệ đối ngoại

```
graph TD; A[Cơ quan quan hệ đối ngoại] --> B[trong nước]; A --> C[ở nước ngoài];
```

trong nước

ở nước ngoài

Cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước

```
graph TD; A[Cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước] --> B[Cơ quan đại diện chung]; A --> C[Cơ quan đại diện chuyên ngành];
```

Cơ quan đại diện chung

Cơ quan đại diện chuyên ngành

Cơ quan đại
diện chung

Quốc hội (Nghị viện)

Nguyên thủ quốc gia

Chính phủ - người đứng
đầu Chính phủ

Bộ ngoại giao - Bộ trưởng
Bộ Ngoại giao

Theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam

- Thẩm quyền của Quốc hội : Điều 83, 84 Hiến pháp
- Thẩm quyền của Chủ tịch nước: Điều 101, 103 Hiến pháp
- Thẩm quyền của Chính phủ: Điều 112 Hiến pháp
- Thẩm quyền của Bộ ngoại giao: Nghị định 15/2008NĐ-CP ngày 4/2/2008 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao

Cơ quan đại diện chuyên ngành

```
graph TD; A[Cơ quan đại diện chuyên ngành] --> B[Các bộ, cơ quan ngang bộ]; A --> C[Các ủy ban nhà nước];
```

Các bộ, cơ quan
ngang bộ

Các ủy ban
nhà nước

Cơ quan quan hệ đối ngoại ở nước ngoài

```
graph TD; A[Cơ quan quan hệ đối ngoại ở nước ngoài] --> B[Cơ quan thường trực]; A --> C[Cơ quan lâm thời]
```

Cơ quan
thường trực

Cơ quan lâm thời

Cơ quan đối ngoại
thường trực ở
nước ngoài

Cơ quan đại diện
ngoại giao

Cơ quan lãnh sự

Phái đoàn đại diện của các
quốc gia tại các tổ chức
quốc tế

III. Cơ quan đại diện ngoại giao

- *Cơ quan đại diện ngoại giao là cơ quan của một quốc gia đóng trên lãnh thổ của một quốc gia khác để thực hiện quan hệ ngoại giao với quốc gia sở tại và với các cơ quan đại diện ngoại giao của các quốc gia khác ở quốc gia sở tại.*

cuu duong than cong. com

Cơ quan đại diện ngoại giao

```
graph TD; A[Cơ quan đại diện ngoại giao] --> B[Đại sứ quán]; A --> C[Công sứ quán]; A --> D[Đại biện quán]; B --> E[Đại sứ đặc mệnh toàn quyền]; C --> F[Công sứ đặc mệnh toàn quyền]; D --> G[Đại biện thường trú];
```

Đại sứ quán

Công sứ
quán

Đại biện
quán

Đại sứ đặc mệnh
toàn quyền

Công sứ đặc mệnh
toàn quyền

Đại biện thường
trú

Pháp luật Việt Nam

- Việt Nam chỉ đặt cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài là Đại sứ quán mà thôi.
Khoản 1, Điều 4 Luật về cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài năm 2009.

cuu duong than cong. com

2. Chức năng của cơ quan đại diện ngoại giao

- Điều 3 Công ước Viên 1961

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

3. Cấp, hàm, chức vụ ngoại giao

a. Cấp ngoại giao

- Cấp ngoại giao là thứ bậc của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, được xác định theo quy định của Luật Quốc tế và sự thoả thuận của các quốc gia hữu quan (Điều 14, Công ước Viên 1961)

cuu duong than cong. com

Cấp ngoại giao

```
graph TD; A[Cấp ngoại giao] --> B[Đại sứ/Đại sứ tòa thánh<br/>(Do nguyên thủ quốc gia bổ nhiệm)]; A --> C[Đại biện thường trú<br/>(Bộ trưởng ngoại giao bổ nhiệm)]; A --> D[Công sứ/Công sứ tòa thánh<br/>(nguyên thủ quốc gia bổ nhiệm)];
```

Đại sứ/Đại sứ tòa thánh
(Do nguyên thủ quốc gia bổ
nhiệm)

Công sứ/Công sứ tòa thánh
(nguyên thủ quốc gia bổ
nhiệm)

Đại biện thường trú
(Bộ trưởng ngoại giao bổ
nhiệm)

b. Hàm ngoại giao

- Hàm ngoại giao là chức danh nhà nước phong cho công chức ngành ngoại giao công tác đối ngoại cả ở trong và ngoài nước.

cuu duong than cong. com

Hàm ngoại giao

Đại sứ

Công sứ

Tham tán

Bí thư thứ nhất

Bí thư thứ hai

Bí thư thứ ba

Tùy viên

c. Chức vụ ngoại giao

- Chức vụ ngoại giao là công việc, nhiệm vụ cụ thể được bổ nhiệm cho viên chức ngoại giao công tác trong các cơ quan quan hệ đối ngoại ở nước ngoài.
- Chức vụ ngoại giao thường tương đương với hàm ngoại giao.
- Người giữ chức vụ ngoại giao có thể là người mang hàm ngoại giao hoặc không mang hàm ngoại giao.

4. Trình tự bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao

- Theo Công ước Viên 1961, khi bổ nhiệm chính thức người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, *nước cử đại diện phải đảm bảo là người này được nước nhận đại diện chấp thuận* thông qua thủ tục xin chấp thuận.

cuu duong than cong. com

Trình tự bổ nhiệm

Sau khi đã được nước nhận đại diện đồng ý, người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao mang theo quốc thư lên đường sang nước nhận đại diện nhận nhiệm vụ.

Thông thường, sau thủ tục trình quốc thư lên nguyên thủ quốc gia nước nhận đại diện, người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao được coi như chính thức nhận nhiệm vụ.

Phủ Chủ tịch – nơi diễn ra lễ trình quốc thư



5. Khởi đầu và kết thúc chức vụ đại diện ngoại giao

a. Khởi đầu chức vụ ngoại giao

- Sau khi trình quốc thư
- Sau khi báo tin đã đến nước tiếp nhận
- Sau khi trao cho Bộ trưởng ngoại giao nước nhận đại diện bản sao quốc thư

(Khoản 1, Điều 13 Công ước Viên 1961).

b. Kết thúc chức vụ ngoại giao

- Hết nhiệm kỳ
- Bị triệu hồi về nước
- Bị nước tiếp nhận tuyên bố bất tín nhiệm (persona non grata)
- Từ trần
- Từ chức
- Xung đột vũ trang giữa hai nước
- Quan hệ ngoại giao giữa hai nước bị cắt đứt
- Khi một trong hai nước không còn là chủ thể của Luật Quốc tế
- Khi một trong hai nước có sự thay đổi chính phủ một cách không hợp pháp

(Điều 43, Công ước Viên 1961).

6. Cơ cấu tổ chức và thành viên của cơ quan ĐDNG

a. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của cơ quan đại diện ngoại giao các nước thường được sắp căn cứ vào truyền thống và đặc trưng của các mối quan hệ giữa nước cử đại diện với nước nhận đại diện.

Thông thường trong đại sứ quán có các bộ phận: văn phòng, phòng chính trị, phòng kinh tế, phòng văn hoá, phòng lãnh sự, tùy viên quân sự.

b. Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao

```
graph TD; A[b. Thành viên cơ quan đại diện ngoại giao] --> B[Viên chức ngoại giao  
(Điểm e, Điều 1)]; A --> C[Nhân viên hành chính – kỹ thuật (Điểm f, Điều 1)]; A --> D[Nhân viên phục vụ (Điểm g, Điều 1)];
```

Viên chức ngoại
giao
(Điểm e, Điều 1)

Nhân viên hành chính
– kỹ thuật (Điểm f,
Điều 1)

Nhân viên phục vụ
(Điểm g, Điều 1)

7. Đoàn ngoại giao

- Nghĩa hẹp: Đoàn ngoại giao bao gồm tất cả những người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao ở nước sở tại.
- Theo nghĩa rộng: đoàn ngoại giao bao gồm tất cả các viên chức ngoại giao của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài đóng tại thủ đô nước sở tại (từ đại sứ đến tùy viên).
- Nghĩa rộng hơn: Đoàn ngoại giao bao gồm tất cả các viên chức ngoại giao công tác tại các cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại nước sở tại và thành viên gia đình họ

Đoàn ngoại giao

- Đoàn ngoại giao không phải là một tổ chức xã hội hay tổ chức nghề nghiệp, cũng không phải là một cơ quan hoạt động hàng ngày mà chỉ thực hiện chức năng lễ tân của nước sở tại.
- Trưởng đoàn do một người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao có cấp bậc cao nhất và có thâm niên lâu nhất làm trưởng đoàn. Phụ nhân của trưởng đoàn ngoại giao cũng làm trưởng đoàn các phụ nhân ngoại giao. Ở một số nước mà Thiên Chúa giáo là quốc giáo thì Đại sứ của Tòa thánh Vatican thường được chỉ định là trưởng đoàn ngoại giao.

Chức năng của đoàn ngoại giao

- Thay mặt các đại diện ngoại giao khi cần hoạt động tập thể trong các lễ tiết của nước sở tại và trong ngoại giao đoàn, như: chúc mừng, chia buồn, thăm viếng, cảm ơn...
- Giải quyết các tranh chấp, xích mích về lễ tân giữa các thành viên ngoại giao đoàn và đề nghị những chế độ lễ tân với Bộ Ngoại giao nước sở tại;
- Thông báo cho Ngoại giao đoàn biết việc đến nhậm chức và việc trở về nước của các đại sứ
- Giới thiệu pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại cho các đại diện ngoại giao mới đến nếu họ yêu cầu

8. Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao

a. Khái niệm

Theo từ điển Tiếng Việt

- Ưu đãi: có nghĩa là dành cho những điều kiện và quyền lợi đặc biệt hơn, thuận lợi hơn so với những đối tượng khác.
- Miễn trừ: có nghĩa là miễn cho khỏi phải thực hiện một nghĩa vụ, trách nhiệm hay một việc gì đó mà lẽ ra phải làm.

Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao

- Trong Luật quốc tế, quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao là những quyền ưu đãi đặc biệt mà nước nhận đại diện dành cho cơ quan đại diện ngoại giao và thành viên của cơ quan này đóng tại nước mình, trên cơ sở phù hợp với luật pháp quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan đại diện ngoại giao và thành viên của các cơ quan này hoàn thành một cách có hiệu quả chức năng của họ.

Đối tượng
được hưởng
quyền
ƯĐ&MTNG

CQĐDNG, phái đoàn đại
diện của các QG tại các
TCQT

Viên chức ngoại giao +
thành viên gia đình họ

Nhân viên hc-kt + thành
viên gia đình họ

Nhân viên phục vụ

Nhân viên phục vụ riêng
của viên chức NG

Điều 37 Công ước Viên 1961

Điều kiện được hưởng quyền ƯĐ&MT ngoại giao

- Người được hưởng không có quốc tịch của nước nhận đại diện.

(Điều 8, Công ước Viên 1961)

- Người được hưởng không có nơi thường trú tại nước nhận đại diện

(Điều 38, Công ước Viên 1961)

- **Chủ thể** dành và đảm bảo các quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao cho các đối tượng trên là nước nhận đại diện ngoại giao, trên cơ sở thoả thuận của hai bên, phù hợp với luật pháp quốc tế.
- Viên chức ngoại giao cũng được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao khi quá cảnh qua lãnh thổ của một quốc gia thứ ba nào đó (Điều 40).

Mục đích của các quyền ƯĐ&MT NG

- Không nhằm làm lợi cho các cá nhân mà để đảm bảo cho việc hoàn thành có hiệu quả các chức năng ngoại giao của họ với tư cách là đại diện của các quốc gia

b. Nội dung quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho CQĐDNG

- Quyền bất khả xâm phạm về trụ sở:
- Quyền bất khả xâm phạm về hồ sơ lưu trữ và tài liệu
- Quyền bất khả xâm phạm về bưu phẩm, thư tín ngoại giao, valy ngoại giao
- Quyền ưu đãi
- Quyền miễn thuế và lệ phí
- Quyền tự do thông tin liên lạc
- Quyền treo quốc kỳ, quốc huy

Điều 20, 22, K3 Đ41, 23, 24, 27 Công ước Viên 1961 về quan hệ ngoại giao.

c. Quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho viên chức ngoại giao

- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể:
- Quyền bất khả xâm phạm về nơi ở, tài liệu, thư tín, tài sản và phương tiện đi lại.
- Quyền miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự và hành chính
- Quyền được miễn thuế
- Quyền ưu đãi và miễn trừ hải quan
- Quyền tự do đi lại
- Quyền được miễn các tạp dịch

Điều 26,27,29,30,31,34,35,36,44,45 Công ước Viên 1961 về quan hệ ngoại giao

Quyền miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự và hành chính

- Về hình sự và hành chính → tuyệt đối.

- Về dân sự → tương đối

(Điểm a, b, c, Khoản 1, Điều 31).

- Quyền miễn trừ đối với các biện pháp thi hành án

- Viên chức ngoại giao cũng không bị bắt buộc phải ra làm chứng

d. Quyền ƯĐ&MT dành cho những người không có thân phận ngoại giao

- Thành viên gia đình viên chức ngoại giao
- Nhân viên hành chính kỹ thuật và thành viên gia đình họ.
- Nhân viên phục vụ.
- Những người phục vụ riêng của các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao

Điều 37 Công ước Viên 1961 về quan hệ ngoại giao

Pháp luật Việt Nam

Việt Nam tôn trọng và dành đầy đủ các quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, các thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tương tự như Công ước Viên 1961 tại *Pháp lệnh về quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự...nước ngoài tại Việt Nam ngày 23/6/1993.*

e. Thời điểm hưởng, kết thúc và vấn đề từ bỏ quyền ƯĐ&MT ngoại giao

- Thời điểm hưởng
- Thời điểm kết thúc
- Vấn đề từ bỏ quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao

Điều 32, Điều 39 Công ước Viên 1961

IV. Phái đoàn đại diện thường trực của các quốc gia tại các tổ chức quốc tế

1. Khái niệm

Phái đoàn đại diện ngoại giao của các quốc gia tại các tổ chức quốc tế là những cơ quan đại diện của quốc gia có chủ quyền, được nhà nước lập ra để đại diện cho quốc gia đó tại các tổ chức hay hội nghị quốc tế.



uu duong than cong. com

uu duong than cong. com







Khái niệm

- Thành phần của phái đoàn đại diện thường trực về cơ bản giống như cơ quan đại diện ngoại giao (Bao gồm người đứng đầu, các viên chức ngoại giao, nhân viên hành chính - kỹ thuật, nhân viên phục vụ). Tuy nhiên, tùy thuộc vào cơ cấu tổ chức, điều lệ, hiến chương của các tổ chức quốc tế mà thành phần này có thể có những đặc điểm riêng nhất định.

2. Chức năng của phái đoàn đại diện ngoại giao của các quốc gia tại các tổ chức quốc tế.

- Đại diện cho nhà nước mình tại tổ chức quốc tế
- Duy trì và phát triển mọi mối quan hệ giữa nhà nước mình với tổ chức quốc tế
- Tiến hành đàm phán trong khuôn khổ của các tổ chức quốc tế
- Tìm hiểu và báo cáo với chính phủ nước mình về hoạt động của tổ chức quốc tế
- Đảm bảo sự tham gia của nhà nước mình trong các hoạt động của tổ chức quốc tế
- Bảo vệ quyền lợi của nhà nước mình trong quan hệ với tổ chức quốc tế
- Thúc đẩy sự phát triển hợp tác giữa các nước thành viên của tổ chức nhằm thực hiện mục đích và tôn chỉ của tổ chức

3. Quyền ưu đãi và miễn trừ

- Quyền ưu đãi và miễn trừ của phái đoàn đại diện thường trực của quốc gia tại các tổ chức quốc tế nhìn chung giống như quyền ưu đãi và miễn trừ của cơ quan đại diện ngoại giao.
- Thành viên của phái đoàn đại diện thường trực của quốc gia được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ tương tự như các thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao.

Đặc điểm riêng

- Các quyền ưu đãi và miễn trừ do tổ chức quốc tế dành cho phái đoàn đại diện của các quốc gia và thành viên của phái đoàn, thông qua thoả thuận với nước chủ nhà, không phụ thuộc vào quan hệ của nước chủ nhà với các nước thành viên của các tổ chức quốc tế.
- Việc bổ nhiệm trưởng phái đoàn đại diện của quốc gia không đòi hỏi phải có sự chấp thuận của tổ chức quốc tế và nước chủ nhà, nơi có trụ sở của phái đoàn. Nước chủ nhà không có quyền đơn phương tuyên bố bất tín nhiệm (Persona non grata) đối với thành viên của phái đoàn đại diện.
- Không áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ giữa nước có phái đoàn đại diện thường trực và nước chủ nhà.

V. Cơ quan lãnh sự

1. Khái niệm

- *Cơ quan lãnh sự là một cơ quan quan hệ đối ngoại của một nước đặt ở nước ngoài nhằm thực hiện các chức năng lãnh sự trong một khu vực lãnh thổ của nước tiếp nhận trên cơ sở thoả thuận giữa hai quốc gia hữu quan.*

cuu duong than cong. com

Phân biệt quan hệ lãnh sự với quan hệ ngoại giao

- Các nước thoả thuận với nhau về việc thiết lập quan hệ lãnh sự ngay cả khi không có quan hệ ngoại giao với nhau.
- Cắt đứt quan hệ ngoại giao không có nghĩa là cắt đứt quan hệ lãnh sự.
- Cơ quan lãnh sự chỉ đại diện cho quốc gia mình trong một số vấn đề nhất định và tại một khu vực lãnh thổ nhất định (Khu vực lãnh sự)

2. Cấp của cơ quan lãnh sự

Tổng lãnh sự quán
Đứng đầu là tổng lãnh sự

Lãnh sự quán
Đứng đầu là lãnh sự

Phó lãnh sự quán
Đứng đầu là phó lãnh sự

Đại lý lãnh sự quán
Đứng đầu là tùy viên lãnh sự/
đại lý lãnh sự

b. Người đứng đầu cơ quan lãnh sự

- Người đứng đầu cơ quan lãnh sự do nước cử lãnh sự bổ nhiệm và do nước tiếp nhận lãnh sự chấp nhận cho phép được thực hiện chức năng của mình.
- Nước cử lãnh sự cấp bằng lãnh sự ghi họ tên, cấp lãnh sự, khu vực lãnh sự và địa chỉ cơ quan lãnh sự.
- Bằng lãnh sự được gửi đến chính phủ (thường là bộ ngoại giao) nước tiếp nhận để xin giấy chứng nhận lãnh sự (Exqualer). Nếu được nước tiếp nhận cấp giấy chứng nhận lãnh sự thì người đứng đầu cơ quan lãnh sự và cơ quan lãnh sự bắt đầu thực hiện các chức năng lãnh sự của mình.

Người đứng đầu cơ quan lãnh sự

- Thủ tục bắt buộc phải có bằng lãnh sự và giấy chứng nhận lãnh sự chỉ đặt ra đối với người đứng đầu cơ quan lãnh sự độc lập. Đối với người phụ trách phòng lãnh sự thuộc đại sứ quán các nước thì không cần phải áp dụng thủ tục này.
- Nước tiếp nhận có quyền từ chối không cấp giấy chứng nhận lãnh sự mà không bắt buộc phải cho nước cử lãnh sự biết lý do.

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

c. Thành viên của cơ quan lãnh sự

```
graph TD; A[c. Thành viên của cơ quan lãnh sự] --> B[Viên chức lãnh sự]; A --> C[Nhân viên lãnh sự]; A --> D[Nhân viên phục vụ];
```

Viên chức lãnh sự

Nhân viên lãnh
sự

Nhân viên phục
vụ

d. Kết thúc chức năng lãnh sự

- Khi hết nhiệm kỳ
- Khi bị thu hồi giấy chứng nhận lãnh sự
- Khi nước tiếp nhận lãnh sự tuyên bố bất tín nhiệm đối với viên chức lãnh sự
- Bị triệu hồi về nước
- Khu vực lãnh sự không còn thuộc chủ quyền của nước tiếp nhận lãnh sự
- Khi cơ quan lãnh sự đóng cửa.

3. Chức năng của cơ quan lãnh sự

- Điều 5, Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

4. Lãnh sự danh dự

a. Khái niệm

- Lãnh sự danh dự là người không nằm trong biên chế của bộ máy cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện ngoại giao nhưng thực hiện một số chức năng lãnh sự nhất định do nước cử lãnh sự giao cho, sau khi có sự đồng ý của nước tiếp nhận lãnh sự.

cuu duong than cong. com

Lãnh sự danh dự

- Lãnh sự danh dự thường được bổ nhiệm từ những luật gia, những nhà kinh doanh, nhà hoạt động xã hội, nghề nghiệp. Họ thường là công dân của nước sở tại có vị trí xứng đáng trong giới hoạt động chính trị, giới chuyên môn nghề nghiệp và kinh doanh.
- Lãnh sự danh dự do bộ trưởng ngoại giao của nước cử lãnh sự sự bổ nhiệm, theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của mình ở nước tiếp nhận

b. Chức năng và quyền ưu đãi của lãnh sự danh dự

- Lãnh sự danh dự không thực hiện mọi chức năng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự mà chỉ thực hiện một số chức năng nhất định theo sự uỷ nhiệm của cơ quan lãnh sự hoặc CQĐDNG.
- Lãnh sự danh dự được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ gần như viên chức lãnh sự chuyên nghiệp khi thực hiện chức năng của mình. Tuy nhiên, có một số quyền bị hạn chế (Khoản 3, 4 Điều 58 Công ước Viên 1963)

5. Quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự

- Công ước Viên năm 1963 quy định các quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự về cơ bản giống như quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao nhưng ở mức độ hạn chế hơn.

a. Quyền ƯĐ&MT dành cho cơ quan lãnh sự

- Quyền bất khả xâm phạm về trụ sở
- Quyền bất khả xâm phạm về hồ sơ lưu trữ và tài liệu
- Quyền tự do thông tin liên lạc
- Quyền được miễn các khoản thuế và lệ phí
- Quyền được treo quốc kỳ, quốc huy

Chương II, phần 1 Công ước Viê 1963 về quan hệ lãnh sự

b. Quyền ƯĐ&MT dành cho viên chức lãnh sự

- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể
- Quyền miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự và xử phạt vi phạm hành chính
- Quyền miễn trừ các loại thuế và lệ phí
- Quyền tự do đi lại

Điều 34,41,43,44,49,50 Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự.

Quyền ƯĐ&MT dành cho nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ

- **Quyền ưu đãi dành cho nhân viên lãnh sự**
- Nhân viên lãnh sự được hưởng quyền miễn trừ xét xử về hình sự, dân sự và xử lý vi phạm hành chính như viên chức lãnh sự. (Điều 43)
- Nhân viên lãnh sự và thành viên gia đình cùng sống chung với họ được hưởng quyền miễn trừ thuế và lệ phí, trừ lệ phí phải trả cho những dịch vụ cụ thể (Điều 49)
- Nhân viên lãnh sự được hưởng quyền miễn thuế và lệ phí hải quan đối với đồ đạc lần đầu mang vào nước tiếp nhận (Khoản 2 Điều 50).

Quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho nhân viên phục vụ

- Nhân viên phục vụ được hưởng quyền miễn thuế và lệ phí đối với tiền lương thu được trong thời gian làm việc (Khoản 2, Điều 49)
- Những nhân viên phục vụ riêng của viên chức lãnh sự và của nhân viên lãnh sự nếu không trực tiếp làm thêm việc gì khác để kiếm lời tại nước tiếp nhận lãnh sự sẽ được miễn trừ nghĩa vụ xin giấy phép lao động (Điều 47)

Pháp luật Việt Nam

- Theo quy định của Việt Nam tại Chương III (Từ Điều 21 đến Điều 38), Pháp lệnh về quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự... năm 1993, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật và nhân viên phục vụ trong cơ quan lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam cũng được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ tương tự như trong Công ước Viên 1963.

Thời điểm hưởng, chấm dứt và vấn đề từ bỏ quyền ƯĐ&MT lãnh sự

- Thời điểm hưởng
- Thời điểm chấm dứt
- Vấn đề từ bỏ quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự

Điều 45, 53 Công ước Viên 1963 về quan hệ lãnh sự.